

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2021

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Minh Thuận**.

2. Ông **Nguyễn Văn Hành**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Qual** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Thức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trà Thị Mỹ L**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Số nhà A, ấp Tân Q1, xã Tân H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Trương Lý Hoàng L1**, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số nhà B, ấp C, xã Đại A 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trà Thị Mỹ L trình bày:**

Bà Trà Thị Mỹ L và ông Trương Lý Hoàng L1 tổ chức lễ cưới vào cuối năm 2015 và đến ngày 11/8/2017 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/2017. Bà Trà Thị Mỹ L và ông Trương Lý Hoàng L1 sau khi tổ chức lễ cưới đã chung sống bên gia đình cha mẹ của bà L tại ấp Tân Q1, xã Tân H, huyện Long

Phú, tỉnh Sóc Trăng đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Tại thời điểm đó, bà L đang mang thai con chung được một tháng. Đến ngày 14/12/2016, bà L sinh con chung tên Trương Thị Thanh T và hiện nay con chung đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến tháng 8 năm 2017, ông Trương Lý Hoàng L1 đã quay chung sống với bà L đến tháng 11 năm 2017 thì bắt đầu sống ly thân cho đến nay. Ông L1 thường bỏ mặc, không quan tâm chăm lo con cái.

Bà Trà Thị Mỹ L xác định vợ chồng bà không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nay bà Trà Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Đề giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà Trà Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với ông Trương Lý Hoàng L1;

- Về con chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định vợ chồng có một người con chung tên Trương Thị Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 đang do bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu ông Trương Lý Hoàng L1 phải cấp dưỡng cho con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Trà Thị Mỹ L đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- + Giấy chứng minh nhân dân mang tên Trà Thị Mỹ L (bản sao chứng thực);
- + Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trà Sát (bản sao chứng thực);
- + Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2017 do Ủy ban nhân dân xã Tân H cấp ngày 11/8/2017 (bản sao chứng thực);
- + Bản sao trích lục khai sinh tên Trương Thị Thanh T, sinh ngày 14/12/2016;

- * Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/3/2021 bà Trà Thị Mỹ L có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Trương Lý Hoàng L1 và được bà Lý Thị L2 là mẹ ruột có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và ngụ cùng địa chỉ nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó Tòa án đã thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trương Lý Hoàng L1 cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn bà Trà Thị Mỹ L vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Trà Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Trương Lý Hoàng L1; Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu ông L1 phải cấp dưỡng cho con chung; Bà Trà Thị Mỹ

L xác định không có không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Trà Thị Mỹ L và bị đơn ông Trương Lý Hoàng L1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Trà Thị Mỹ L cho vợ chồng bà Trà Thị Mỹ L ông Trương Lý Hoàng L1 ly hôn. Về con chung giao cho bà Trà Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trương Thị Thanh T đến khi thành niên, ông Trương Lý Hoàng L1 không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Trà Thị Mỹ L xác định không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Trà Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/7/2020, bà Trà Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trương Lý Hoàng L1 có nơi cư trú tại số nhà B, ấp C, xã Đại A 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Trà Thị Mỹ L vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trương Lý Hoàng L1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Trà Thị Mỹ L về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào cuối năm 2015 bà Trà Thị Mỹ L và ông Trương Lý Hoàng L1 tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Nhưng đến ngày 11/8/2017 mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95/2017. Theo

Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trà Thị Mỹ L và ông Trương Lý Hoàng L1 là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Trà Thị Mỹ L: Sau khi sống chung cũng như sau khi đăng ký kết hôn bà L ông L1 sống bên gia đình của bà Trà Thị Mỹ L tại ấp Tân Q1, xã Tân H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Khi bà L mang thai con chung được một tháng thì ông L1 đã bỏ đi vào tháng 4 năm 2016. Tuy nhiên sau đó đến tháng 8 năm 2017 ông L1 đã quay về chung sống cùng với bà L và con chung tên Trương Thị Thanh T, sinh vào ngày 14/12/2016. Sau thời gian ngắn, ông L1 vẫn thường bỏ mặc gia đình, không quan tâm đến con cái để đi chơi. Do đó đến tháng 11 năm 2017 vợ chồng bà L ông L1 đã sống ly thân cho đến nay. Ông L1 đã quay về sống bên gia đình tại ấp C, xã Đại A 2, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Trà Thị Mỹ L, ông Trương Lý Hoàng L1 hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Trương Lý Hoàng L1 đều vắng mặt. Do đó, vụ án này Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc này đã thể hiện việc ông Trương Lý Hoàng L1 không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Mỹ L cho bà Trà Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trương Lý Hoàng L1.

[3.3] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định “*Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật*”. Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95/2017 do Ủy ban nhân dân xã Tân H cấp ngày 11/8/2017 của bà Trà Thị Mỹ L và ông Trương Lý Hoàng L1 sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.4] Về con chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định vợ chồng có một người con chung tên: Trương Thị Thanh T, sinh ngày 14/12/2016. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với các giấy khai sinh mang tên Trương Thị Thanh T thể hiện là con chung của bà Trà Thị Mỹ L, ông Trương Lý Hoàng L1. Theo lời trình bày của bà Trà Thị Mỹ L, hiện nay con chung đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.5] Xét yêu cầu của bà Trà Thị Mỹ L được nuôi con chung tên Trương Thị Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 cho đến khi thành niên. Ông Trương Lý Hoàng L1 cũng không có ý kiến gì về việc này. Xét thấy hiện tại cháu cũng đang được bà L chăm sóc nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao cháu Trương Thị Thanh T cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên là có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trương Thị Thanh T cho bà Trà Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.6] Về cấp dưỡng cho con chung: bà Trà Thị Mỹ L tự nguyện không yêu cầu ông Trương Lý Hoàng L1 cấp dưỡng cho cháu Trương Thị Thanh T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.7] Bên cạnh đó ông Trương Lý Hoàng L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trương Thị Thanh T mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Trà Thị Mỹ L chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Trương Lý Hoàng L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Trà Thị Mỹ L, ông Trương Lý Hoàng L1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị Mỹ L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trương Lý Hoàng L1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Trà Thị Mỹ L, ông Trương Lý Hoàng L1 theo giấy chứng nhận kết hôn 95/2017 do Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp 11/8/2017 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Thanh T, sinh ngày 14/12/2016 (hiện nay Trương Thị Thanh T đang sống cùng với bà Trà Thị Mỹ L) cho bà Trà Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên.

3/ Về cấp dưỡng: Ông Trương Lý Hoàng L1 không phải cấp dưỡng cho cháu Trương Thị Thanh T.

* Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trương Thị Thanh T cho bà Trà Thị Mỹ L, ông Trương Lý Hoàng L1 mà không ai được cản trở. Ông Trương Lý Hoàng L1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Trà Thị Mỹ L.

4/ Về tài sản chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về nợ chung: Bà Trà Thị Mỹ L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005890, ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trà Thị Mỹ L đã thực hiện xong. Ông Trương Lý Hoàng L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7/ Về quyền kháng cáo: Bà Trà Thị Mỹ L và ông Trương Lý Hoàng L1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc